

Số: 1208CBNL/CT

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty TNHH Ivy Nguyễn công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức: Công ty TNHH Ivy Nguyễn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5000848913 đăng ký lần đầu ngày 27/03/2018, đăng ký sửa đổi lần thứ 5 ngày 09/05/2024, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang .
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Tân Quang 16, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.
- Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị An Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: (098)3682359
- Email: lab.ivynguyen@protonmail.com
- Mã số thuế: 5000848913
- Website: <https://lab.ivynguyen.vn>

Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng Ivy Nguyễn

- Địa chỉ: Tổ 7, phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang.
- Trưởng phòng: Ông Trần Văn Trí
- Điện thoại: (097) 84813443
- Email: lab.ivynguyen@protonmail.com
- Website: <https://lab.ivynguyen.vn>

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
I.	XI MĂNG			
1.	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030: 03	Sàng 0,09mm, cân kỹ	Hoàng Văn Kim

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
	của xi măng		thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng.	Hà Xuân Mạnh
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn, nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95 ASTM C807	Dụng cụ Vica, cân kỹ thuật (0,01g), đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lược mẫu, khuôn Lơ Satolie	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
II. BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4.	Thử nén, thử uốn, modul tñnh của độ đàn hồi, tỷ lệ Poison khi nén, biến dạng, khả năng chống mài mòn, đối với bê tông UHPC	ASTM C1856-17 ASTM C39/C39M, C1609/C1609M, C512/C512M, C157/C157M, C341/C341M, C944/C944M, AASHTO T397-10	Máy uốn, kéo, nén bê tông; bộ gá uốn, kéo nén + LVDT; bộ ghi dữ liệu; máy thử mài mòn; máy cắt và máy mài mẫu.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
5.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C143; AASHTO T121	Bộ côn thử độ sụt; Ca súc mẫu; thanh đầm mẫu, Khay hứng; Thước lá 300mm	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
6.	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp vữa	TCVN 9204 2012.	Nhót kế Suttard	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
7.	Xác định độ cứng vebe	TCVN 3107:1993 ASTM C1437	Nhót kế Vebe; Bàn rung; Thanh thép tròn, tron đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Đồng hồ bấm giây	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
8.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993, ASTM C232	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng/phút.	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
9.	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:1993 ASTM C173/C231 AASHTO T152	Máy đo hàm lượng bọt khí, búa cao su, bay, gạt...	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
10.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993 ASTM C642	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1 %; Tủ sấy; Bình dung tích dung tích từ 1,05 lít đến 1,5l	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
11.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993	Máy mài, Cân kỹ thuật chính xác tới 0,1g;	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
			Thuốc kẹp cơ khí; Cát mài	
12.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông đã đóng rắn.	TCVN 3115:1993 ASTM C642	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1 %; Tủ sấy	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
13.	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993	Khuôn đúc mẫu bê tông, Bộ gá chống thấm cho mẫu bê tông, Máy mài, cưa mẫu, Máy chống thấm bê tông, Paraphin hoặc mỡ bò	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
14.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993 ASTM C39, C142 AASHTO T22, T140	Máy nén bê tông	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
15.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993 ASTM C1609-13 ASTM C1018	Máy nén bê tông	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
16.	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:1993 ASTM C496, AASHTO T 198	Máy kéo nén đa năng	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
17.	Xác định sự phát triển co ngót trong vữa xi măng và bê tông	OENORM B 3329:2009-06-01	Bộ máng đo + LVDT	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
18.	Phương pháp thử cho bê tông sợi kim loại – Đo độ bền kéo uốn	BS EN 14651:2005 +A1:2007	Máy nén/kéo nén đa năng có điều khiển servo. Có khả năng chạy theo điều khiển dịch chuyển (displacement control)	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
19.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi và hệ số Poisson khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993 ASTM C469/C469M-14; ASTM E 132-17	Máy nén bê tông; bộ gá đo chuyển vị + LVDT; bộ ghi dữ liệu;	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
20.	Phương pháp thử tiêu chuẩn cho độ bền liên kết của hệ thống nhựa Epoxy được sử dụng với bê tông bằng phương pháp cắt nghiêng	ASTM C882/C882M-13a	Khuôn mẫu, máy nén bê tông	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
III. KIỂM TRA KIM LOẠI				
21.	Đặc trưng hình học	TCVN 1651-2:08; TCVN 7937-1:13; JIS G3112; ASTM A615	01 bộ dụng cụ tiêu chuẩn	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
22.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009) ASTM A370; AASHTO T244, T68	Máy kéo nén 100 tấn, thước lá, cân điện tử 15000g	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
23.	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)	Máy kéo nén 100 tấn, thước lá, cân điện tử	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
		ASTM A 370, E190	15000g	
24.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010	Bộ gá uốn, thước	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
IV. CỐT LIỆU BÊ TÔNG				
25.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06 AASHTO T27 ASTM C 136; C33	Cân điện tử 15000g, bộ sàng tiêu chuẩn	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
26.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06 ASTM C 127; C128 AASHTO T84; T85	Cân điện tử 1000g, tủ sấy, bình dung tích bằng thủy tinh, côn thủ độ sụt, que chọc, khay chứa, tấm thủy tinh nhẵn, thùng ngâm mẫu, sàng 5mm, 0.14mm, bình hút ẩm	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
27.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06 AASHTO T 19 ASTM C 127 - 12	Cân điện tử 1000g, 15000g, tủ sấy, bình dung tích bằng thủy tinh, côn thủ độ sụt, que chọc, khay chứa, tấm thủy tinh nhẵn, thùng ngâm mẫu, sàng 5mm, 0.14mm, bình hút ẩm	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
28.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:06 ASTM C 29:09 AASHTO T19	Thùng đóng kim loại hình trụ loại 1,2,5,10,20 lít; cân điện tử 15000g, phễu chứa vật liệu, sấy, thước lá, thanh gỗ gạt phẳng	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
29.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06 ASTM C566-04	Cân điện tử 1000g, 15000g, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu.	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
30.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06 AASHTO T112, ASTM C117, C142	Cân điện tử 1000g, 15000g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính.	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
31.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06 ASTM C 40 AASHTO T21	ống hình trụ bằng thủy tinh dung tích 250ml, 100ml; cân 1000g, bếp cách thủy, sàng 20mm, thang màu, dung dịch NaOH 3%, tananh 2%, rượu êtylic 1%	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
32.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06 ASTM C2338	Máy nén 100 Tấn, máy mài, máy khoan và máy cưa đá, thước kẹp, thùng hoặc chậu ngâm đá	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
33.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén 100 Tấn, xi lanh bằng thép, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
34.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06 ASTM C131, C535, AASHTO T96, T327	Máy thử độ hao mòn va đập Los Angeles; bi thép, cân điện tử 15000g, bộ sàng KT: 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm; tủ sấy	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
35.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:06 AASHTO T335	Cân điện tử 15000g; thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
36.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:06	Cân điện tử 15000g, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt, búa con	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
37.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1%; kính lúp	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
V. BÊ TÔNG NHỰA				
38.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, khuôn mẫu, đồng hồ đo độ biến dạng, búa đầm bằng kim loại, bộ đệm hình trụ bằng gỗ, bộ gá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, tủ sấy, thiết bị trộn BTN, bếp nung gia nhiệt, bể ổn nhiệt, dụng cụ chứa nhựa đường nóng, bay trộn thanh gạt, nhiệt kế, gang tay cao su, gang tay chịu nhiệt, cân 15000g	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
39.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, lò nung, khay đựng mẫu, cân điện tử vibra, cân điện tử 15000g, cốc ung, bình hút ẩm, và một số dụng cụ khác	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
40.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng mắt vuông ASTM:50; 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075; tủ sấy, cân điện tử 15000g;	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
41.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân 15000g, máy hút chân không, máy hút chân	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
			không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, khay đựng mẫu,	Hà Xuân Mạnh
42. 43.	Xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa bằng phương pháp tỷ trọng kế và phương pháp tính toán	22TCN 62-84		Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
44.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân điện tử 15000g, bể nước, dây treo, giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
45.	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, giỏ đựng mẫu, đũa kim loại, cân điện tử 1000g, caho, bay trộn	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
46.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	ống đồng, phễu, tấm kính, khay trộn, dao gạt, cân 15000g	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
47.	Xác định hệ số độ lún	TCVN 8860-8:2011	Khuôn đầm Marshall; Búa đầm Marshall hoặc máy đầm tự động; Cân điện tử 15 kg (độ chia 1 g); Thước cặp hoặc panme; Tủ sấy; Nhiệt kế; Khay, bay trộn	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
48.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Cân điện tử có bộ cân thủy tĩnh; Bể nước có bộ treo mẫu; Tủ sấy; Nhiệt kế; Khăn lau mẫu	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
49.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân điện tử; Bộ cân thủy tĩnh; Bể nước; Tủ sấy; Bình hút chân không (khi xác định khối lượng riêng lớn nhất); Nhiệt kế	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
50.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân điện tử; Bộ cân thủy tĩnh; Bể nước; Tủ sấy; Máy tính hoặc phần mềm tính toán (chỉ tiêu tính từ Va và VMA).	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
51.	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy thí nghiệm Marshall (khung nén + đầu ép Marshall); Bể ổn nhiệt $60 \pm 1^{\circ}\text{C}$; Đồng hồ đo biến dạng (Flow); Đồng hồ đo lực hoặc Load Cell; Khuôn Marshall;	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
			Nhiệt kế.	
52.	Hàm lượng bitum và các thành phần hạt trong hỗn hợp bê tông nhựa theo PP nhanh	22 TCN 62:84	Máy chiết bitum (ly tâm hoặc tự động); Dung môi chiết; Cân điện tử; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy lắc sàng; Tủ sấy; Khay và dụng cụ chứa mẫu.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
VI.	BỘT KHOÁNG TRONG B.T. N			
53.	Thành phần hạt	22 TCN 58-84	Bộ sàng: 1.2; 1.25; 0.63; 0.315; 0.14; 0.071; Cân điện tử 1000g; bát sứ, chày dẽ, đầu bịt cao su, bình hút ẩm, bình đựng nước 6-10L; chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, hộp nhôm, Bình tỷ trọng, máy hút chân không, bình để rửa, nhiệt kế, Đồng hồ so, đế từ; dụng cụ vica, bát sắt, bát sứ,dao sắt, dầu AK15	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
54.	Lượng mất khi nung	22 TCN 58-84		
55.	Hàm lượng nước	22 TCN 58-84		
56.	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84		
57.	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84		
58.	Hệ số hao nước	22 TCN 58-84		
59.	Hàm lượng chất hoà tan trong nước	22 TCN 58-84		
60.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58- 84		
61.	Khối lượng – thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58- 84		
62.	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58- 84		
63.	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58- 84		
VII.	HIỆN TRƯỜNG			
64.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu trên cầu kiện	TCXDVN 239:2006 ASTM C42-04	Khoan, máy nén 200T	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
65.	Cầu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn – Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt.	TCVN 9347:2012	Tải trọng thử nghiệm, đồng hồ đo chuyển vị, kính lúp	
66.	Thử khả năng chịu tải và độ thấm nước của ống cống bê tông cốt thép	TCVN 9113:2012 ASTM C76	Khung gia tải, kích thủy lực 50T, 100T, thước lá, thước kẹp	
67.	Cống hộp bê tông cốt thép - Thử khả năng chịu tải và độ thấm nước			
68.	Thử khả năng chịu tải và độ thấm nước của Rãnh dọc chịu lực và không chịu lực			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
	(có nắp và không có nắp) qua đường			
69.	Bó vữa bê tông đúc sẵn - kiểm tra sai lệch kích thước, khuyết tật bề mặt và khả năng chịu tải			
70.	Mương bê tông thành mỏng - kiểm tra sai lệch kích thước, khuyết tật bề mặt, thử khả năng chịu tải và độ thấm nước	TCVN 6394:2014		
71.	Thử nghiệm khả năng chịu tải của nắp hồ ga, song chắn rác	BS EN 124:2015 TCVN 10333-3:2016		
72.	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	10332:2014		
73.	Hồ ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 10333:2014		
74.	Gối cống bê tông đúc sẵn: xác định sai lệch kích thước, khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015		
75.	Hồ ga cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Xác định độ kín nước của mỗi nối, khả năng chịu tải đứng, khả năng chịu tải ngang, sai lệch kích thước	TCVN 10333-4:2019		
VIII VỮA XÂY DỰNG				
76.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 03 TCVN 9028:11	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân điện tử 15000g, tủ sấy	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
77.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-18: 03	Cân điện tử 15000g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
78.	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03; TCVN9028:11 ASTM C109	Máy nén 300KN, bộ gối uốn và nén	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
IX. CƠ LÝ VẬT LIỆU ĐẤT, ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG				
79.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; JIS A1202; AASHTO T100; ASTM D854 ; BS 1377-2	Bình tỷ trọng (Pycnometer), cân kỹ thuật (0,01 g), bơm hút chân không hoặc bình hút chân không, tủ sấy, nhiệt kế, cốc thủy tinh.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
80.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T217, T265; BS 812; JIS A1203	Tủ sấy 105–110°C, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu nhôm/innox, bình hút ẩm.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
81.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136, D422-62, D1140, D2487, C117; AASHTO T88, T27; BS 1377-2; JIS A1204; ASTM D421	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay mẫu, chày cao su, bàn chải vệ sinh sàng.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
82.	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377-4; JIS A1210	Máy đầm Proctor, khuôn Proctor, búa đầm, dao gọt mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước thép.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
83.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937, D7263; AASHTO T204, T216, T205, T233; BS 1377-2	Bộ khuôn xác định dung trọng, cân kỹ thuật, dao gọt, thước thép, khay chứa mẫu.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
84.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020; BS1377; ASSHTO T193; ASTM D1883	Máy CBR (khung nén + đồng hồ lực), khuôn CBR, búa đầm, quả gia tải (surcharge), bể ngâm mẫu, đồng hồ đo chuyển vị, cân, tủ sấy.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
85.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông; dân dụng - Đầm nén Proctor	TCVN 12790: 2020	Bộ thiết bị Proctor	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang
X.	CƠ LÝ VẬT LIỆU ĐẤT, ĐÁ DẦM HIỆN TRƯỜNG			
86.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đài	TCVN 12791:2020	Bộ dao vòng (dao đài), cân kỹ thuật, dao gọt mẫu, hộp đựng mẫu, tủ sấy hoặc máy xác định nhanh độ ẩm.	Trần Văn Trí Nguyễn Minh Quang Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
87.	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất, lớp kết cấu đá dăm bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012 ASTM D1556:00	Bộ phễu rót cát, cát tiêu chuẩn, để rót cát, cân kỹ thuật, dụng cụ đào hố, khay chứa mẫu, tủ sấy	
88.	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012	Bộ phễu rót cát, cát tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, dụng cụ đào hố, dao gọt mẫu, khay chứa mẫu	
89.	Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Máy xác định nhanh độ ẩm hoặc tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu	
90.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ tấm ép cứng, kích thủy lực, đồng hồ đo chuyển vị, dầm chuẩn,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị	Những người thực hiện
			xe đối trọng hoặc hệ phản lực, thước thép	
91.	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng Cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695:96; AASHTO T256:77	Cần đo vồng Benkelman, xe tải tiêu chuẩn, đồng hồ đo chuyển vị, thước thép, nhiệt kế mặt đường	
92.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965:96	Bộ rắc cát, cát tiêu chuẩn, đĩa rắc cát, thước thép, bàn chải.	
93.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98	Thước dài 3 m, nêm đo khe hở, thước lá.	
94.	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92	Máy CBR hiện trường, kích thủy lực, đồng hồ lực, đồng hồ đo chuyển vị, bộ xuyên CBR, xe đối trọng.	
95.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Bộ tấm nén phẳng, kích thủy lực, đồng hồ đo chuyển vị, đầm chuẩn, xe đối trọng hoặc hệ phản lực.	
XI.	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
96.	Kiểm tra kích thước, khuyết tật	TCVN 6476:1999	Thước cặp, thước thép, eke vuông, dưỡng kiểm tra kích thước	Hoàng Văn Kim Hà Xuân Mạnh
97.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	Máy nén bê tông, tấm đệm nén, thước cặp	
98.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy thử mài mòn gạch bê tông, cân kỹ thuật, thước cặp	
99.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình ngâm mẫu, khăn lau mẫu	

2.2. Danh mục máy móc, thiết bị chính

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo Cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn	Ngày kiểm định hiệu chuẩn lần cuối	Cơ quan kiểm định hiệu chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1.	Cân đĩa điện tử	0,01 g -:- 2200 g	1 năm	25/062026	IBST	
2.	Cân đĩa điện tử	1 g -:- 5000 g	1 năm	25/062026	IBST	

3.	Cân điện tử R21PE30	1g -:- 30000 g	1 năm	25/06/2026	IBST	
4.	Cảm biến đo chuyển vị	(0-10)/0,01mm	1 năm	25/06/2026	IBST	
5.	Cảm biến đo chuyển vị	(0-10)/0,01mm	1 năm	25/06/2026	IBST	
6.	Loadcel ZS 100T	0 -:- 100 tấn	1 năm	25/06/2026	IBST	
7.	Máy nén bê tông cấp tải 2000 kN	HERCULES 2000 kN	1 năm	25/06/2026	IBST	
8.	Máy thử độ bền uốn, kéo bê tông 150 kN	UMT600 0 -:- 150 kN	1 năm	25/06/2026	IBST	
9.	Máy thử độ bền kéo uốn đa năng 1000 kN	WA-1000B 1000kN	1 năm	25/06/2026	IBST	
10.	Máy thử độ bền nén 2000 kN	TYE -2000 2000kN	1 năm	25/06/2026	IBST	
11.	Máy thử độ bền nén, uốn 300 kN	TYA 300	1 năm	25/06/2026	IBST	
12.	Máy nén CBR	CBR II 5 -:- 60 kN	1 năm	04/08/2026	NME	
13.	Máy nén Marshall	FY-3A 0 -:- 50 kN	1 năm	04/08/2026	NME	
14.	Bể ổn nhiệt	CF-B 0 -:- 100°C	1 năm	04/08/2026	NME	
15.	Máy trộn bê tông nhựa nóng tự động	LHBH Max 200°C	1 năm	04/08/2026	IMC	
16.	Máy ly tâm tách chiết nhựa đường	DLC - 3 1800 -:- 3000vp	1 năm	04/08/2026	IMC	
17.	Nhiệt kế điện tử	WT1 -50 -:- 300°C	1 năm	04/08/2026	IMC	
18.	Lò nung	SX2-4-10 0 -:- 1000°C	1 năm	04/08/2026	NME	
19.	Đồng hồ so	0 -:- 10 mm	1 năm	04/08/2026	NME	

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, v.v... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Bằng cấp chứng chỉ	Ghi chú
--------	-----------	---------------------	--------------------	---------

1	Trần Văn Trí	Kỹ sư công trình XD	- Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm - Chứng chỉ thí nghiệm viên xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường - Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Quản lý, giám sát phòng thí nghiệm
2	Nguyễn Minh Quang	Trung học phổ thông	- Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên
3	Hoàng Văn Kim	Trung học phổ thông	- Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên
4	Hà Xuân Mạnh	Trung học phổ thông	- Chứng chỉ thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên

Công ty TNHH Ivy Nguyễn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị An